TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2022
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung
Ông Nguyễn Ngọc Nam

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành***: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 255/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số 03/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05/01/2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971

Địa chỉ: 005, tổ 3, ấp 1C, xã P, huyện huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1968

Địa chỉ: tổ 3, ấp 1C, xã P, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Tôi và ông L1 tự nguyện đi đến kết hôn, được UBND xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 375 ngày 29/8/1995.

Thời gian đầu cuộc sống gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau này do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Đến nay cả hai nhận thấy không thể sống chung với nhau được nữa. Nay tôi cảm thấy không còn tình cảm với ông L1, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông L1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là Huỳnh Văn L2 – sinh ngày 06/9/1996, Huỳnh Văn H – sinh ngày 29/10/2003. Cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông L1 đều vắng mặt nên không có lời khai.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Văn L1.

+ Về con chung: Con chung Huỳnh Văn L2 – sinh ngày 06/9/1996, Huỳnh Văn H – sinh ngày 29/10/2003 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét giải quyết;

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Huỳnh Văn L1 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L và ông L1.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và bị đơn ông Huỳnh Văn L1 tự nguyện đăng ký kết hôn, được UBND xã T, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 37/1995, ngày 29/8/1995. Nên xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị L và bị đơn ông Huỳnh Văn L1 là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà L khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông L1 là trầm trọng, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do có nhiều bất đồng trong cuộc sống, hai người không còn tình cảm với nhau.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (ấp 1C, xã P, huyện Long Thành) về tình trạng hôn nhân của bà L, ông L1; kết quả như sau: Ông Huỳnh Văn L1 có hộ khẩu tại địa phương. Quá trình chung sống giữa bà L và ông L1 có xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ, tuy nhiên hiện nay giữa bà L và ông L1 đã ly thân và không sống cùng nhau.

Bị đơn ông Huỳnh Văn L1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông L1 đều vắng mặt cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông L1 không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà L nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông L1 không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tình trạng hôn nhân giữa bà L, ông L1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L về việc xin ly hôn với ông Huỳnh Văn L1.

[3.2] Về con chung:

Bà L và ông L1 có 02 con chung là Huỳnh Văn L2 – sinh ngày 06/9/1996, Huỳnh Văn H – sinh ngày 29/10/2003. Cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Chưa có lời khai của ông L1 và không có yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn với ông Huỳnh Văn L1.

2. Về con chung: Bà L và ông L1 có 02 con chung là Huỳnh Văn L2 – sinh ngày 06/9/1996, Huỳnh Văn H – sinh ngày 29/10/2003. Cả 02 con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà L đã nộp, theo Biên lai thu số 0005089 ngày 02/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành được trừ vào tiền án phí bà L phải chịu. Bà L đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã, phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền